

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MINH CHÂU, HUYỆN DIỄN CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
I	XÃ MINH CHÂU				
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN				
1	Quốc lộ 7A đoạn qua xã Minh Châu, huyện Diễn Châu				
	Quốc lộ 7A	Từ bà Thu (từ thửa 12, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà ông Luận (đến thửa 659, tờ bản đồ số 48)	3.500.000	13.500.000
	Quốc lộ 7A	Từ bà Tuyết thửa số 202 tờ bản đồ số 04	Đến ông Hòa thửa số 10 tờ bản đồ số 04	3.600.000	13.500.000
	Quốc lộ 7A	Từ ông Chiến thửa số 03 tờ bản đồ số 10	Đến anh Thước thửa số 203 tờ bản đồ số 10	3.800.000	13.500.000
	Quốc lộ 7A	Từ chị Thủy (từ thửa 755, tờ bản đồ số 31)	Đến nhà anh Xuân (đến thửa 819, tờ bản đồ số 31)	3.000.000	13.500.000
	Quốc lộ 7A	Từ anh Thành (từ thửa 815, tờ bản đồ số 31)	Đến nhà anh Nga (đến thửa 823, tờ bản đồ số 31)	2.000.000	6.000.000
2	ĐƯỜNG HUYỆN				
	Đường huyện đi Nhân Thành (ĐH.25)	Từ nhà Anh Tiến (từ thửa 186, tờ bản đồ 40)	Đến nhà ông Hoá Lý (đến thửa 213, tờ bản đồ số 26)	1.000.000	5.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
	Tuyến đường từ Quốc Lộ 7A đi Diên Lợi (ĐH 256) Liên xã	Từ ông Kỳ thửa số 598 tờ bản đồ số 04	Đến ông Xuân thửa số 497 tờ bản đồ số 04	720.000	4.500.000
		Từ ông Quang thửa số 08 tờ bản đồ số 17	Đến bưu điện xã Diên Thắng cũ thửa số 345 tờ bản đồ số 17	720.000	4.500.000
		Từ anh Thái thửa số 12 tờ bản đồ số 19	Đến ông Túc thửa số 66 tờ bản đồ số 19	700.000	4.500.000
		Từ ông Tuyên Thắng thửa số 05 tờ bản đồ số 20	Đến ông Thanh thửa số 103 tờ bản đồ số 20	700.000	4.500.000
		Từ anh Thiết thửa số 01 tờ bản đồ số 21	Đến ông Đình thửa số 46 tờ bản đồ số 21	700.000	4.500.000
	Tuyến đường từ Quốc Lộ 7A đi Nhân Thành (ĐH 257) Liên huyện	Từ ông Tiên thửa số 186 tờ bản đồ số 40	Đến bà Phượng thửa số 2 tờ bản đồ số 40	1.000.000	5.000.000
		Từ bà Cúc thửa số 119 tờ bản đồ số 38	Đến ông Hùng thửa số 40 tờ bản đồ số 38	1.000.000	5.000.000
		Từ ông Tiên thửa số 03 tờ bản đồ số 29	Đến bà Xuân thửa số 437 tờ bản đồ số 29	1.000.000	5.000.000
		Từ bà Xuân thửa số 437 tờ bản đồ số 29	Đến ông Tâm thửa số 1 tờ bản đồ số 34	1.000.000	5.000.000
		Từ sân vận động thửa số 594 tờ bản đồ số 29	Đến ông Cường thửa số 838 tờ bản đồ số 29	1.000.000	5.000.000
		Từ đất UBND xã QL thửa số 31 tờ bản đồ số 37	Đến bà Vương thửa số 52 tờ bản đồ số 37	Chưa có giá	3.000.000
	Tuyến đường từ Quốc Lộ 7A đi Lèn Hồ (ĐH 257B)	Từ bà Thu thửa số 25 tờ bản đồ số 39	Đến ông Kiều thửa số 235 tờ bản đồ số 39	350.000	3.000.000
		Từ ông Kiều thửa số 235 tờ bản đồ số 39	Đến QL7A	350.000	3.000.000
		Từ bà Thu thửa số 25 tờ bản đồ số 39	Đến ông Kiều thửa số 235 tờ bản đồ số 39	350.000	3.000.000
		Từ ông Kiều thửa số 235 tờ bản đồ số 39	Đến QL7A		
3	Đường xã				

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
	Tuyến đường DX 58	Từ ông Vọng thửa số 10 tờ bản đồ số 18	Đến đất do UBND xã quản lý thửa số 132 tờ bản đồ số 18	560.000	3.600.000
		Đến đất do UBND xã quản lý thửa số 05 tờ bản đồ số 19	Đến ông Thu thửa số 19 tờ bản đồ số 19	560.000	3.600.000
	Tuyến đường trục thôn 8 (TT.8)	Từ anh Lam thửa số 44 tờ bản đồ số 10	Đến anh Đài thửa số 100 tờ bản đồ số 10	700.000	4.500.000
		Từ anh Giang thửa số 125 tờ bản đồ số 10	Đến anh Vương thửa số 145 tờ bản đồ số 10	720.000	4.500.000
		Từ ông Nghệ thửa số 91 tờ bản đồ số 11	Đến bà Trịnh thửa số 95 tờ bản đồ số 11	720.000	4.500.000
	Tuyến đường trục thôn (TT.14)	Từ ông Đình thửa số 237 tờ bản đồ số 10	Đến anh Đại thửa số 260 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Từ ông Minh thửa số 29 tờ bản đồ số 12	Đến anh Khánh thửa số 47 tờ bản đồ số 12	560.000	3.600.000
	Đường trục thôn 15 (TT.15)	Từ ông Giá thửa số 75 tờ bản đồ số 11	Đến ông Châu thửa số 238 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Hồ thửa số 5 tờ bản đồ số 12	Đến ông Khánh thửa số 238 tờ bản đồ số 11	560.000	3.600.000
	Tuyến đường trục thôn 16	Từ ông Dũng thửa số 47 tờ bản đồ số 16	Đến ông Bôn thửa số 164 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
	Tuyến đường trục thôn 17	Từ bà Hiệp thửa số 101 tờ bản đồ số 17	Đến anh Dương thửa số 297 tờ bản đồ số 17	560.000	3.600.000
	Tuyến đường trục thôn 18	Từ ông Dũng thửa số 47 tờ bản đồ số 16	Đến ông Trí thửa số 56 tờ bản đồ số 16	560.000	3.600.000
		Từ chị Thường thửa số 102 tờ bản đồ số 17	Đến bà Hạnh thửa số 115 tờ bản đồ số 17	560.000	3.600.000
		Từ Anh Đào thửa số 55 tờ bản đồ số 18	Đến anh Toàn thửa số 59 tờ bản đồ số 18	560.000	3.600.000
	Tuyến đường trục thôn 19	Từ ông Thú thửa số 100 tờ bản đồ số 16	Đến ông Khanh thửa số 129 tờ bản đồ số 16	560.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ nhà VH xóm 1 thửa số 210 tờ bản đồ số 17	Đến ông Xuân thửa số 231 tờ bản đồ số 17	560.000	3.600.000
		Từ ông Luyện thửa số 88 tờ bản đồ số 18	Đến ông Lương thửa số 96 tờ bản đồ số 18	560.000	3.600.000
	Tuyến đường trục thôn 20	Từ bà Thanh thửa số 14 tờ bản đồ số 17	Đến Sân bóng xóm 2 thửa số 341 tờ bản đồ số 17	560.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 8	Từ anh Liên thửa số 49 tờ bản đồ số 16	Đến anh Thọ thửa số 157 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 10	Từ ông Trục thửa số 64 tờ bản đồ số 16	Đến ông Tư thửa số 183 tờ bản đồ số 16	560.000	3.600.000
		Từ ông Tuyển thửa số 185 tờ bản đồ số 16	Đến ông Tư thửa số 183 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Thửa 347 tờ bản đồ 17			
	Tuyến đường ngõ xóm 11	Thửa 152,154,162,166 tờ bản đồ 16		540.000	3.600.000
		Từ ông Chính thửa số 239 tờ bản đồ số 17	Đến ông Biền thửa số 305 tờ bản đồ số 17	560.000	3.600.000
		Từ ông Sơn thửa số 115 tờ bản đồ số 18	Đến ông Phong thửa số 116 tờ bản đồ số 18	560.000	3.600.000
	Tuyến Đường ngõ xóm 12	Từ ông Khang thửa số 56 tờ bản đồ số 18	Đến ông Tá thửa số 128 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000
		Từ ông Tiến thửa số 03 tờ bản đồ số 19	Đến bà Diên thửa số 12 tờ bản đồ số 19	540.000	3.600.000
		Từ ông Tiến thửa số 04 tờ bản đồ số 19	Đến ông Hà thửa số 20 tờ bản đồ số 19	540.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 13	Từ ông Tú thửa số 77 tờ bản đồ số 19	Đến ông Tích thửa số 73 tờ bản đồ số 19	450.000	2.500.000
		Từ bà Hùng thửa số 48 tờ bản đồ số 20	Đến ông Chuyên thửa số 112 tờ bản đồ số 20	480.000	2.500.000
		Từ bà Thu thửa số 59 tờ bản đồ số 21	Đến ông Bình thửa số 19 tờ bản đồ số 21	450.000	2.500.000
	Tuyến đường ngõ xóm 14	Từ anh Khai thửa số 51 tờ bản đồ số 21	Đến ông Mai thửa số 57 tờ bản đồ số 21	450.000	2.500.000
		Từ ông Chiêm thửa số 09 tờ bản đồ số 22	Đến ông Trung thửa số 02 tờ bản đồ số 22	450.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ ông Liên thửa số 02 tờ bản đồ số 23	Đến ông Hồng thửa số 20 tờ bản đồ số 23	480.000	2.500.000
	Tuyến đường ngõ xóm 15	Từ ông Chinh thửa số 58 tờ bản đồ số 15	Đến ông Lâm thửa số 33 tờ bản đồ số 15	540.000	3.600.000
		Từ ông Kỳ thửa số 50 tờ bản đồ số 15	Đến nhà thờ họ Cao thửa số 70 tờ bản đồ số 15	530.000	3.600.000
		Từ ông Phú thửa số 285 tờ bản đồ số 07	Đến bà Khương thửa số 288 tờ bản đồ số 07	530.000	3.600.000
		Từ bà Khương thửa số 288 tờ bản đồ số 07	Đến đất do UBND xã quản lý thửa số 299 tờ bản đồ số 7	530.000	3.600.000
		Từ bà Thắm thửa số 294 tờ bản đồ số 07	Đến ông Lâm thửa số 211 tờ bản đồ số 07	530.000	3.600.000
		Từ ông Lâm thửa số 211 tờ bản đồ số 07	Đến đất do UBND xã quản lý thửa số 299 tờ bản đồ số 7	530.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 16	Từ bà Quế thửa số 31 tờ bản đồ số 14	Đến ông Hóa thửa số 6 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ ông Hóa thửa số 6 tờ bản đồ số 14	Đến đất do UBND xã quản lý thửa số 82 tờ bản đồ số 14	530.000	3.600.000
		Từ đất do UBND xã quản lý thửa số 1 tờ bản đồ số 15	Đến bà Việt thửa số 289 tờ bản đồ số 15	530.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 17	Từ ông Thân thửa số 120 tờ bản đồ số 14	Đến ông Kham thửa số 114 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ đất do UBND xã quản lý thửa số 4 tờ bản đồ số 15	Đến ông Sỹ thửa số 6 tờ bản đồ số 15	530.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 18	Từ nhà văn hóa xóm 4 thửa số 162 tờ bản đồ số 14	Đến ông Bạt thửa số 46 tờ bản đồ số 14	530.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 19	Từ bà Tuyết thửa số 128 tờ bản đồ số 14	Đến ông Hóa thửa số 8 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ ông Ý thửa số 1 tờ bản đồ số 13	Đến ông Tâm thửa số 34 tờ bản đồ số 13	540.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 20	Từ ông Trân thửa số 237 tờ bản đồ số 11	Đến bà Hợi thửa số 248 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 21	Từ bà Yêm thửa số 137 tờ bản đồ số 11	Đến ông Song thửa số 160 tờ bản đồ số 11	530.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
	Tuyến đường ngõ xóm 22	Từ ông Chiến thửa số 43 tờ bản đồ số 10	Đến bà Tường thửa số 54 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ nhà thờ họ Đặng thửa số 28 tờ bản đồ số 11	Đến anh Đức thửa số 78 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Phú thửa số 48 tờ bản đồ số 11	Đến ông Khiêm thửa số 39 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ anh Cường thửa số 124 tờ bản đồ số 11	Đến ông Thao thửa số 244 tờ bản đồ số 11	560.000	3.600.000
		Từ ông Việt thửa số 1 tờ bản đồ số 12	Đến anh Sỹ thửa số 8 tờ bản đồ số 12	560.000	3.600.000
	Tuyến đường ngõ xóm 23	Từ ông Việm thửa số 9 tờ bản đồ số 10	Đến ông Đồng thửa số 18 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Từ ông Quân thửa số 11 tờ bản đồ số 11	Đến đất do UBND xã quản lý thửa số 32 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
	Đường trục thôn (QH 7,5m)	Từ nhà Cô Mơ (từ thửa 349, tờ bản đồ số 55)	Trạm bơm nhà trường (đến thửa 236, tờ bản đồ số 55)	1.000.000	5.000.000
	Đường xã 55 (ĐX.55) (QH 19,5m)	Trạm bơm nhà trường (từ thửa 215, tờ bản đồ số 55)	Trường mầm non Diễn Bình (đến thửa 143, tờ bản đồ số 55)	1.000.000	5.000.000
	Đường liên xã (ĐX 55)	Từ ông Lai Vinh (từ thửa 132, tờ bản đồ số 54)	Đến nhà ông Nhung (đến thửa 134, tờ bản đồ số 54)	700.000	4.500.000
	Đường trục thôn (QH 10,5m)	Từ nhà ông Khiêm (từ thửa 18, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà anh Ty (đến thửa 479, tờ bản đồ số 55)	1.000.000	5.000.000
	Đường trục thôn (QH 7,5m)	Từ nhà ông Bích (từ thửa 73, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà ông Thái (đến thửa 177, tờ bản đồ số 57)	1.000.000	5.000.000
	Đường vành đai xóm 1 cũ (QH 7,5m)	Từ nhà anh Anh Vũ Quế (từ thửa 48, tờ bản đồ số 57)	Đến Nghĩa địa xóm 1 cũ (đến thửa 200, tờ bản đồ số 57)	500.000	3.600.000
	Đường trục thôn (QH 12m)	Từ nhà chị Kiên (từ thửa 203, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà ông Hoá (đến thửa 144, tờ bản đồ số 57)	500.000	3.600.000
	Đường trục thôn (QH 7,5m)	Từ nhà anh Công (từ thửa 340, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà anh Tân Nguyệt (đến thửa 376, tờ bản đồ số 55)	350.000	2.500.000
	Đường trục thôn (TT.12)	Từ nhà Ông Tứ (từ thửa 295, tờ bản đồ số 56)	Đến nhà ông Các Thái (đến thửa 108, tờ bản đồ 53)	700.000	4.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
	Đường trục thôn 10 (TT.10)	Từ nhà bà Định (từ thửa 19, tờ bản đồ số 56)	Đến nhà ông Phùng (đến thửa 229, tờ bản đồ 52)	350.000	2.500.000
	Đường trục thôn (QH 12m)	Từ nhà ông Kinh (từ thửa 125, tờ bản đồ số 56)	Đến nhà anh Minh (đến thửa 91, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
	Đường trục thôn (TT.13) (QH 12m)	Từ nhà anh Tuấn (từ thửa 173, tờ bản đồ số 56)	Đến nhà anh Vỹ (đến thửa 185, tờ bản đồ 53)	350.000	2.500.000
	Đường trục thôn (QH 7,5m)	Từ nhà anh Hội Tiếp (từ thửa 288, tờ bản đồ số 55)	Đến nhà Truyền (đến thửa 321, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
	Đường trục thôn 11 (TT.11)	Từ nhà Anh Tý Lệ (từ thửa 97, tờ bản đồ 54)	Đến công Loa (đến thửa 285, tờ bản đồ 52)	500.000	3.600.000
	Đường trục thôn 9 (TT.9)	Từ nhà Anh Thông (từ thửa 86, tờ bản đồ 54)	Đến nhà ông Tấn (đến thửa 45, tờ bản đồ 51)	350.000	2.500.000
	Đường trục thôn 11 (TT.11)	Từ nhà anh Lâm Luân (từ thửa 116, tờ bản đồ 51)	Đến nhà anh Hiền (đến thửa 126, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Từ bà Phượng thửa số 2 tờ bản đồ số 40	Đến bà Quyển thửa số 20 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
	Đường xã 53	Từ bà Quyển thửa số 20 tờ bản đồ số 40	Đến bà Pho thửa số 10 tờ bản đồ số 39	350.000	2.500.000
		Từ bà Pho thửa số 10 tờ bản đồ số 39	Đến ông Lực thửa số 48 tờ bản đồ số 37	350.000	2.500.000
		Từ ông Lực thửa số 48 tờ bản đồ số 37	Đến ông Huyền thửa số 18 tờ bản đồ số 35	350.000	2.500.000
	Đường xã 55	Từ bà Thành thửa số 49 tờ bản đồ số 38	Từ ông Tụ thửa số 03 tờ bản đồ số 38	350.000	2.500.000
		Từ ông Tụ thửa số 03 tờ bản đồ số 38	Diễn Bình	350.000	2.500.000
	Tuyến đường trục thôn 4 (TT.4)	Từ bà Pho thửa số 10 tờ bản đồ số 39	Đến ông Dũng thửa số 250 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
	Tuyến đường trục thôn 5 (TT.5)	Từ ông Lano thửa số 142 tờ bản đồ số 39	Đến bà Thủy thửa số 158 tờ bản đồ số 39	350.000	2.500.000
		Từ bà Thủy thửa số 158 tờ bản đồ số 39	Đến ông Minh thửa số 135 tờ bản đồ số 40	350.000	2.500.000
	Tuyến đường ngõ xóm 3	Từ ông Thảo thửa số 03 tờ bản đồ số 37	Từ ông Thọ thửa số 57 tờ bản đồ số 37	300.000	1.000.000
		Từ ông Thọ thửa số 57 tờ bản đồ số 37	Đến bà Lý thửa số 36 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ bà Lý thửa số 36 tờ bản đồ số 39	Đến ông Tiến thửa số 229 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
	Tuyến đường ngõ xóm 4	Từ bà Thu thửa số 25 tờ bản đồ số 39	Đến bà Âu thửa số 68 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
		Từ bà Âu thửa số 68 tờ bản đồ số 39	Đến ông Quang thửa số 47 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
		Từ bà Âu thửa số 68 tờ bản đồ số 39	Đến bà Thành thửa số 218 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
	Tuyến đường ngõ xóm 5	Từ ông Kiều thửa số 235 tờ bản đồ số 39	Đến ông Tú thửa số 217 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
		Từ ông Tú thửa số 217 tờ bản đồ số 39	Đến ông Quán thửa số 208 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
	Tuyến đường ngõ xóm 6	Từ ông Tú thửa số 16 tờ bản đồ số 40	Đến bà Minh thửa số 09 tờ bản đồ số 40	350.000	2.500.000
		Từ bà Minh thửa số 09 tờ bản đồ số 40	Đến ông Long thửa số 71 tờ bản đồ số 38	350.000	2.500.000
	Tuyến đường ngõ xóm 7	Từ bà Thu thửa số 29 tờ bản đồ số 40	Đến ông Tiến thửa số 196 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TẠI CÁC XÓM				
	Xóm 1	Từ ông Niết thửa số 1 tờ bản đồ số 16	Đến ông Quang thửa số 16 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Lý thửa số 3 tờ bản đồ số 16	Đến ông Tình thửa số 72 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ bà Tuyết thửa số 55 tờ bản đồ số 16	Đến ông Trí thửa số 56 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Cường thửa số 73 tờ bản đồ số 16	Đến ông Bắc thửa số 85 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 196 và 60 tờ bản đồ 16		540.000	3.600.000
	Đường bờ khe	Từ ông Kiên thửa số 53 tờ bản đồ số 16	Đến ông Trục thửa số 163 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Nam thửa số 20 tờ bản đồ số 16	Đến đất UBND xã quản lý thửa số 22 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Đường vào thửa 28 tờ bản đồ 16		540.000	3.600.000
		Từ ông Danh thửa số 58 tờ bản đồ số 16	Đến ông Du thửa số 165 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Bốn thửa số 66 tờ bản đồ số 16	Đến Bà Nhung thửa số 69 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Sáu thửa số 124 tờ bản đồ số 16	Đến ông Dân thửa số 136 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Khánh thửa số 156 tờ bản đồ số 16	Đến ông Chiến thửa số 160 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ Bà Duyên thửa số 127 tờ bản đồ số 16	Đến đất UBND xã quản lý thửa số 193 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 165 tờ bản đồ 16		540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 170 tờ bản đồ 16		540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 34 tờ bản đồ số 17		540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 54 tờ bản đồ số 17		540.000	3.600.000
		Từ ông Hưởng thửa số 141 tờ bản đồ số 17	Đến bà Thủy thửa số 164 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 135, tờ bản đồ số 17		540.000	3.600.000
		Từ ông Sáu thửa số 163 tờ bản đồ số 17	Đến bà Loan thửa số 193 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 178, tờ bản đồ số 17		540.000	3.600.000
		Từ ông Thuận thửa số 283 tờ bản đồ số 17	Đến ông Minh thửa số 293 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
	Xóm 2	Từ ông Lệ thửa số 17 tờ bản đồ số 17	Đến ông Tịch thửa số 95 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Từ ông Lâm thửa số 47 tờ bản đồ số 17	Đến ông Khâm thửa số 84 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 68 và thửa 53, tờ bản đồ số 17		540.000	3.600.000
		Từ ông Lạc thửa số 146 tờ bản đồ số 17	Đến ông Vui thửa số 186 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
	Đường phía đông trường Mầm Non	Từ ông Mao thửa số 203 tờ bản đồ số 17	Đến ông Năm thửa số 172 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Từ ông Báo thửa số 251 tờ bản đồ số 17	Đến ông Chương thửa số 317 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Từ ông Phương thửa số 302 tờ bản đồ số 17	Đến ông Thuận thửa số 330 tờ bản đồ số 17	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 343, tờ bản đồ số 17		540.000	3.600.000
	Đường trên kênh thủy lợi N2	Từ ông Niết thửa số 01 tờ bản đồ số 16	Đến ông Dũng thửa số 05 tờ bản đồ số 16	540.000	3.600.000
		Từ ông Hải thửa số 01 tờ bản đồ số 17	Đến bà Thanh thửa số 14 tờ bản đồ số 17	560.000	3.600.000
		Từ ông Tài thửa số 01 tờ bản đồ số 18	Đến ông Các thửa số 11 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000
		Từ ông Chằm thửa số 36 tờ bản đồ số 18	Đến bà Quế thửa số 19 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000
		Ngõ vào thửa 16 tờ bản đồ 18		540.000	3.600.000
		Từ bà Quế thửa số 19 tờ bản đồ số 18	Đến ông Đan thửa số 22 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000
		Từ ông Cách thửa số 27 tờ bản đồ số 18	Đến bà Trường thửa số 40 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ ông Hồng thửa số 60 tờ bản đồ số 18	Đến ông Năm thửa số 48 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000
		Ngõ vào thửa 44 tờ bản đồ 18		540.000	3.600.000
		Từ ông Hiền thửa 77 đến ông Sáu thửa 87 tờ bản đồ 18	Đến ông Năm thửa số 80 tờ bản đồ số 18	540.000	3.600.000
		Trước thửa 107 và 112 tờ bản đồ 18		540.000	3.600.000
		Từ ông Phúc thửa 231 tờ bản đồ 17 đến ông Hoàng thửa số 125 tờ bản đồ số 18	Đến ông Thu thửa số 126 tờ bản đồ số 18	560.000	3.600.000
		Trước thửa 01 và 06 tờ bản đồ 19		540.000	3.600.000
	Xóm 3	Từ ông Toàn thửa 71 tờ bản đồ 19	Đến ông Hải thửa số 91 tờ bản đồ 19	540.000	3.600.000
		Từ ông Hường thửa 75 tờ bản đồ 19	Đến ông Dân thửa số 95 tờ bản đồ 19	540.000	3.600.000
		Từ ông Oánh thửa 33 tờ bản đồ 19	Đến ông Đồng thửa số 31 tờ bản đồ 19	700.000	4.500.000
		Từ Bà Duận thửa 37 tờ bản đồ 20	Đến ông Kiên thửa số 62 tờ bản đồ 20	480.000	2.500.000
		Trước thửa 119 và 01 tờ bản đồ 20		480.000	2.500.000
		Đường trước thửa 63 và 64 tờ bản đồ 20		450.000	2.500.000
		Ngõ vào thửa 73 tờ bản đồ 20		450.000	2.500.000
		Ngõ vào thửa 74 tờ bản đồ 20		450.000	2.500.000
		Ngõ vào thửa 57 và 58 tờ bản đồ 20		450.000	2.500.000
		Ngõ vào thửa 75 tờ bản đồ 20		450.000	2.500.000
		Đường trước thửa 76 tờ bản đồ 20		480.000	2.500.000
		Ngõ vào thửa 111 và 113 tờ bản đồ 20			
		Đường vào thửa 35 tờ bản đồ 21		450.000	2.500.000
		Đường vào thửa 44 tờ bản đồ 21		450.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Đường vào thửa 55,54,60 tờ bản đồ 21		450.000	2.500.000
		Từ ông Hoà thửa 24 tờ bản đồ số 21	Đến ông Trường thửa 02 tờ bản đồ số 21	450.000	2.500.000
		Đường vào thửa 03,09,16,26 tờ bản đồ 21		450.000	2.500.000
		Từ ông Giang thửa 62 tờ bản đồ số 21	Đến ông Ngọc thửa 66 tờ bản đồ số 21	450.000	2.500.000
		Đường vào các thửa 193 đến 195, tờ bản đồ 09		480.000	2.500.000
	Đường đất vùng quy hoạch năm 2019 Tả Tây xóm 4	Từ thửa 99 tờ bản đồ số 08	Đến thửa 118 tờ bản đồ số 08	480.000	2.500.000
	Xóm 4	Từ bà Lan thửa 24 tờ bản đồ số 13	Đến ông Phong thửa 38 tờ bản đồ số 13	540.000	3.600.000
		Từ ông Thành thửa 08 tờ bản đồ số 13	Đến ông Sâm thửa 22 tờ bản đồ số 13	540.000	3.600.000
		Từ ông Hà thửa 06 tờ bản đồ số 13	Đến ông Nam thửa 21 tờ bản đồ số 13	540.000	3.600.000
		Thửa 29 tờ bản đồ 13 không có đường vào			3.600.000
		Từ bà Hạnh thửa 10 tờ bản đồ số 14	Đến ông Thụ thửa 3 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ ông Hoa thửa 41 tờ bản đồ số 14	Đến ông Nguyên thửa 76 tờ bản đồ số 14	530.000	3.600.000
		Từ ông Nguyên thửa 76 tờ bản đồ số 14	Đến ông Định thửa 83 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ ông Khanh thửa 5 tờ bản đồ số 14	Đến ông Phấn thửa 71 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ ông Phấn thửa 71 tờ bản đồ số 14	Đến ông Huỳnh thửa 147 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000
		Từ bà Duyên thửa 69 tờ bản đồ số 14	Đến ông Toàn thửa 35 tờ bản đồ số 14	540.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Đường vào thửa 50, 99, 111, 121.102, 104, 105, 137, 151, 165, 174, 175 tờ bản đồ 14		530.000	3.600.000
		Từ ông Thế thửa 173 tờ bản đồ số 14	Đến bà Nhuận thửa 134 tờ bản đồ số 14	530.000	3.600.000
		Từ bà Lam thửa 48 tờ bản đồ số 15	Đến ông Nguyễn thửa 11 tờ bản đồ số 15	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 54, 46, 38, 32 tờ bản đồ 15		530.000	3.600.000
		Đường vào thửa 37, 39, 45, 47 tờ bản đồ 15		530.000	3.600.000
		Đường vào thửa 27 tờ bản đồ 15			3.600.000
	Xóm 5	Từ thửa 432 tờ bản đồ số 03	Đến thửa 438 tờ bản đồ số 03	560.000	3.600.000
		Từ thửa 165 tờ bản đồ số 10	Đến thửa 164 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ ông Đinh thửa 247 tờ bản đồ số 10	Đến ông Vĩ thửa 169 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ ông Hải thửa 194 tờ bản đồ số 10	Đến bà Phương thửa 210 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Từ Bà Mân thửa 248 tờ bản đồ số 10	Đến bà Hoà thửa 231 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 245 tờ bản đồ 10		540.000	3.600.000
		Từ Bà Mận thửa 254 tờ bản đồ số 10	Đến ông Hải thửa 235 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Từ Bà Cúc thửa 229 tờ bản đồ số 10	Đến ông Tý thửa 242 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 222, 227 tờ bản đồ 10		540.000	3.600.000
		Từ ông Ánh thửa 154 tờ bản đồ số 11	Đến ông Hậu thửa 177 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Nhung thửa 111 tờ bản đồ số 11	Đến bà Bá thửa 257 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ ông Lục thửa 199 tờ bản đồ số 11	Đến bà Hương thửa 189 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Lân thửa 279 tờ bản đồ số 11	Đến ông Vinh thửa 212 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Diện thửa 196 tờ bản đồ số 11	Đến bà Hiền thửa 188 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ bà Vân thửa 152 tờ bản đồ số 11	Đến thửa 151 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 132, 259, 139, 185 tờ bản đồ số 11		540.000	3.600.000
		Từ ông Võ thửa 56 tờ bản đồ số 11	Đến ông Hiệu thửa 129 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Tiếp thửa 54 tờ bản đồ số 11	Đến ông Lâm thửa 72 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ bà Lạc thửa 180 tờ bản đồ số 11	Đến ông Hiền thửa 245 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 119 tờ bản đồ số 11		540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 172 tờ bản đồ số 11		540.000	3.600.000
		Từ ông Phổ thửa 192 tờ bản đồ số 11	Đến bà Hợi thửa 249 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 07 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000
		Từ ông Bắc thửa 09 tờ bản đồ số 12	Đến ông Hoà thửa 03 tờ bản đồ số 12	560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 38 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 36 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 42 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 23 tờ bản đồ số 12		540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 25, 34, 40 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 33 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 45 tờ bản đồ số 12		560.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ bà Bân thửa 15 tờ bản đồ số 12	Đến ông Dũng thửa 43 tờ bản đồ số 12	560.000	3.600.000
	Xóm 6	Từ bà Mân thửa số 28 tờ bản đồ số 10	Đến ông Việem thửa số 09 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Từ ông Việem thửa số 09 tờ bản đồ số 10	Đến ông Đồng thửa số 18 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		ông Đồng thửa số 18 tờ bản đồ số 10	Đến ông Ngạc thửa số 39 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Từ ông Việem thửa số 09 tờ bản đồ số 10	Đến bà Lý thửa số 27 tờ bản đồ số 10	540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 38 tờ bản đồ 10		540.000	3.600.000
		Đường vào thửa 300 tờ bản đồ 10		540.000	3.600.000
		Từ ông Long thửa số 65 tờ bản đồ số 10	Đến bà Châu thửa số 69 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ ông Tuấn thửa số 79 tờ bản đồ số 10	Đến ông Hùng thửa số 91 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ ông Dung thửa số 110 tờ bản đồ số 10	Đến ông Hữu thửa số 103 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ ông Trà thửa số 93 tờ bản đồ số 10	Đến bà Hiếu thửa số 109 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Đường vào thửa 122 tờ bản đồ 10		560.000	3.600.000
		Từ ông Việt thửa số 134 tờ bản đồ số 10	Đến ông An thửa số 94 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ bà Xích thửa số 120 tờ bản đồ số 10	Đến ông Lịch thửa số 121 tờ bản đồ số 10	560.000	3.600.000
		Từ bà Xuân thửa số 21 tờ bản đồ số 11	Đến ông Thọ thửa số 22 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ bà Thủy thửa số 10 tờ bản đồ số 11	Đến ông Hồng thửa số 43 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ ông Thước thửa số 50 tờ bản đồ số 11	Đến ông Diên thửa số 68 tờ bản đồ số 11	540.000	3.600.000
		Từ ông Dục thửa số 80 tờ bản đồ số 11	Đến thửa số 71 tờ bản đồ số 11 UBND xã	540.000	3.600.000
	Xóm 7				
		Từ nhà anh Long (tờ thửa 71, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà bà Phương (đến thửa 168, tờ bản đồ số 57)	500.000	3.600.000
		Từ nhà anh Hoàng Vân (tờ thửa 121, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà văn hoá xóm 1 cũ (đến thửa 161, tờ bản đồ số 57)	500.000	3.600.000
		Từ nhà anh Bằng (tờ thửa 75, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà ông Hoè đến thửa 163, tờ bản đồ số 57)	350.000	2.500.000
		Từ nhà bà Lưu (tờ thửa 116, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà bà Minh (đến thửa 142, tờ bản đồ số 57)	350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà ông Ninh (tờ thửa 183, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà ông Quế (đến thửa 188, tờ bản đồ số 57)	350.000	2.500.000
		Từ nhà ông Thế (tờ thửa 06, tờ bản đồ số 57)	Đến NVH xóm 7 (đến thửa 227, tờ bản đồ số 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ từ Anh Châu Nhân (tờ thửa 08, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà chị Nga Quế (đến thửa 09, tờ bản đồ số 57)	350.000	2.500.000
		Từ nhà Anh Kiên (tờ thửa 509, tờ bản đồ số 48)	Đến nhà anh Hân Hà (đến thửa 563, tờ bản đồ số 48)	500.000	3.600.000
		Đi nhà Anh Đoàn Nghị (thửa 39, tờ bản đồ số 57)		350.000	2.500.000
		Từ nhà ông Đức (thửa 29, tờ bản đồ số 57)	Đến nhà ông Anh (đến thửa 03, tờ bản đồ số 57)	350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà bà Sam (thửa 296, tờ bản đồ số 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà anh Sơn Tuyết (tờ thửa 315, tờ bản đồ số 55)	Đến nhà anh Minh Hiền (đến thửa 280, tờ bản đồ số 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà anh Sơn Xuân (tờ thửa 291, tờ bản đồ số 55)	Đến nhà ông Hương Hường (đến thửa 243, tờ bản đồ số 55)	350.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Ngõ vào nhà ông Thành Điểm (thửa 244, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà ông Cấn (từ thửa 205 đến thửa 221, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà anh Tiến Hường (thửa 169, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà ông Môn (thửa 195, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà ông Lai (từ thửa 251, tờ bản đồ 55)	Đến nhà bà Hoan (đến thửa 234, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà anh Quế Ngọc (thửa 196, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà anh Tuân (thửa 151, 162 ,tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà anh Đình Hà (từ thửa 206, tờ bản đồ 55)	Đến nhà anh Dân (đến thửa 166, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà ông Duyệt Lam (từ thửa 346, tờ bản đồ 55)	Đến sân vận động xóm 7 (đến thửa 493, tờ bản đồ 550)	350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà chị Thanh Sơn (từ thửa 137, tờ bản đồ 55)	Đến nhà ông Duyệt (đến thửa 124, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà anh Công Diễn Thắng (thửa 783, tờ bản đồ 48)		1,800,000	3.600.000
	Thôn Thanh Luật	Đường từ nhà ông Thành (từ thửa 65, tờ bản đồ 55)	Đến nhà ông Thạnh Miên (đến thửa 93, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà bà Thuận (từ thửa 38, tờ bản đồ 55)	Đến nhà ông Vinh Dân (đến thửa 34, tờ bản đồ 56)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà bà Nghi (từ thửa 140, tờ bản đồ 56)	Đến nhà anh Phụng Trung (đến thửa 156, tờ bản đồ 56)	300.000	1.000.000
		Từ nhà văn hoá Thanh Luật (từ thửa 06, tờ bản đồ 56)	Đến nhà anh Giáp Hạnh (đến thửa 88, tờ bản đồ 56)	350.000	2.500.000
		Từ nhà ông Tùng (từ thửa 194, tờ bản đồ 53)	Đến nhà anh Liên (đến thửa 45, tờ bản đồ 56)	350.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Đường từ nhà anh Thao (từ thửa 51, tờ bản đồ 56)	Đến nhà chị Hương (đến thửa 122, tờ bản đồ 56)	350.000	2.500.000
		Đường nhà o Hiên (từ thửa số 152, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà thờ họ Đoàn (đến thửa số 02, tờ bản đồ số 52)	350.000	2.500.000
		Đường nhà anh Thức (từ thửa số 15, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Long (đến thửa số 06, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà ông Duyên (từ thửa số 176, tờ bản đồ số 53)	(đến thửa số 476, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Đường nhà bà Đào (từ thửa số 200, tờ bản đồ số 53)	Đến nhà anh Hậu (đến thửa số 215, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Đường nhà anh Nhân (từ thửa số 109, tờ bản đồ số 53)	Đến nhà anh Sơn Hường (đến thửa số 131, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Đường nhà bà Hồng (từ thửa số 51, tờ bản đồ số 53)	Đến nhà ông Hoạt (đến thửa số 84, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Khởi (từ thửa 65, tờ bản đồ 53)	Đến nhà anh Phương Phong (đến thửa số 127, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà anh Thành Quý (từ thửa số 124, tờ bản đồ số 53)	Đến nhà anh Trung Thuý (đến thửa số 145, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà bà Lĩnh (từ thửa số 143, tờ bản đồ số 53)	Đến nhà anh Phương Phong (đến thửa số 166, tờ bản đồ số 53)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà bà Thảo Hiền (từ thửa 398, tờ bản đồ 56)	Đến nhà anh Minh (đến thửa 72, tờ bản đồ 56)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà bà Cảnh (từ thửa 08, tờ bản đồ 56)	Đến nhà bà Xuyên (đến thửa 24, tờ bản đồ 56)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà ông Vinh Thơm (từ thửa 104, tờ bản đồ 56)	Đến nhà bà Bưởi (đến thửa 154, tờ bản đồ 56)	350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà anh Sâm (từ thửa 136, tờ bản đồ 56)	Đến thửa 145, tờ bản đồ 56)	350.000	2.500.000
		Từ nhà chị Vân (từ thửa số 133, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Sơn Hiền (đến thửa số 87, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Từ nhà anh Năng (từ thửa số 113, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Tháp (đến thửa số 45, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ nhà ông Hải (từ thửa số 58, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà chị Mỹ Huân (đến thửa số 34, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Từ nhà anh Chuẩn (từ thửa số 41, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Hoà (đến thửa số 20, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Từ nhà ông Nghi (từ thửa số 18, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Bốn (đến thửa số 11, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Các (từ thửa số 48, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Hữu (đến thửa số 28, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà ông Đông (từ thửa số 15, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà ông Võ (đến thửa số 517, tờ bản đồ số 45)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà ông Bình (từ thửa số 150, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà o Tứ (đến thửa số 139, tờ bản đồ số 52)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Trì (từ thửa số 145, tờ bản đồ số 52)	Đến nhà anh Hải Quyển (đến thửa số 673, tờ bản đồ số 45)	700.000	4.500.000
	Thôn Vân Tập				
		Ngõ từ nhà cô Thơm (từ thửa 69, tờ bản đồ 55)	Đến nhà anh Thiệp Chung (đến thửa 71, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà bà Hằng (từ thửa 55, tờ bản đồ 55)	Đến nhà anh Hà Hợp (đến thửa 57, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà anh Tuấn (từ thửa 43, tờ bản đồ 55)	Đến nhà anh Long (đến thửa 58, tờ bản đồ 55)	350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà ông Chính (thửa 19, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ vào nhà anh Thủy Huyền (thửa 18, tờ bản đồ 55)		350.000	2.500.000
		Ngõ từ nhà anh Bằng (từ thửa 20, tờ bản đồ 55)	Đến nhà ông Chu (đến thửa 218, tờ bản đồ 52)	350.000	2.500.000
		Từ nhà chị Hoa (từ thửa 210, tờ bản đồ 52)	Đến nhà bà Luận (đến thửa 228, tờ bản đồ 52)	350.000	2.500.000
		Từ nhà Anh Phong (từ thửa 186, tờ bản đồ 52)	Đến nhà bà Cẩn (đến thửa 197, tờ bản đồ 52)	350.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ nhà Ông Nhật (từ thửa 147, tờ bản đồ 52)	Đến nhà ông Thiệp (đến thửa 182, tờ bản đồ 52)	300.000	1.000.000
		Từ nhà ông Thâm (từ thửa 93, tờ bản đồ 54)	Đến nhà ông Viên (đến thửa 29, tờ bản đồ 54)	300.000	1.000.000
		Từ nhà anh Hồ (từ thửa 90, tờ bản đồ 54)	Đến nhà bà Lĩnh (đến thửa 56, tờ bản đồ 51)	500.000	3.600.000
		Từ nhà ông Thi (từ thửa 89, tờ bản đồ 54)	Đến nhà ông Lai (đến thửa 50, tờ bản đồ 51)	500.000	3.600.000
		Từ nhà Anh Quang (từ thửa 117, tờ bản đồ 54)	Đến nhà ông Chính (đến thửa 84, tờ bản đồ 54)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào thửa 77, tờ bản đồ 54		300.000	1.000.000
		Từ nhà ông Hưng (từ thửa 12, tờ bản đồ 54)	Đến nhà bà Hà (đến thửa 17, tờ bản đồ 54)	300.000	1.000.000
		Từ nhà ông Phước (từ thửa 128, tờ bản đồ 51)	Đến nhà bà Hà (đến thửa 60, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà văn hoá Vân Tập (từ thửa 268, tờ bản đồ 51)	Đến nhà ông Cung (đến thửa 263, tờ bản đồ 51)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà bà Hạ (từ thửa 166, tờ bản đồ 51)	Đến nhà anh Quế Phương (đến thửa 248, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà bà Quy (từ thửa 176, tờ bản đồ 510)	Đến nhà ông Hoá (đến thửa 230, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà ông Giản (từ thửa 138, tờ bản đồ 510)	Đến thửa 161, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà bà Huệ (thửa 162, tờ bản đồ 51)		300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà ông Tuyên (thửa 191, tờ bản đồ 51)		300.000	1.000.000
		Ngõ từ nhà bà Tích (từ thửa 57, tờ bản đồ 51)	Đến nhà bà Tài Nội (đến thửa 94, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà bà Tú (từ thửa 72, tờ bản đồ 51)	Đến thửa 92, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Ngõ từ nhà anh Biên (từ thửa 51, tờ bản đồ 51)	Đến nhà anh Quang (thửa 104, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Ngõ từ nhà anh Nguyễn (từ thửa 66, tờ bản đồ 51)	Đến nhà anh Trường (thửa 103, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Am (từ thửa 46, tờ bản đồ 51)	Đến nhà bà Đoài (thửa 83, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Hội (từ thửa 62, tờ bản đồ 51)	Đến nhà anh Giáp (thửa 156, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Huân (từ thửa 187, tờ bản đồ 51)	Đến nhà ông Châu (thửa 199, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà thờ Họ Hoàng (từ thửa 242, tờ bản đồ 51)	Đến nhà ông Thuộc (thửa 257, tờ bản đồ 51)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà ông Biên (từ thửa 463, tờ bản đồ 44)	Đến nhà ông (thửa 488, tờ bản đồ 44)	300.000	1.000.000
	Thôn Trung Phường				
	Vùng Mô Lầu	Từ thửa 771, tờ bản đồ số 31	Đến thửa 775, tờ bản đồ số 31	1.000.000	5.000.000
		Từ ông Hùng thửa số 11 tờ bản đồ số 37	Đến ông Chương thửa số 63 tờ bản đồ số 37	350.000	2.500.000
		Đường vào thửa 26,37,40,41,45 tờ bản đồ số 37		300.000	1.000.000
		Từ ông Kiều thửa số 12 tờ bản đồ số 37	Đến ông Luyện thửa số 62 tờ bản đồ số 38	350.000	2.500.000
		Từ ông Ba thửa số 61 tờ bản đồ số 38	Đến bà Nguyệt thửa số 83 tờ bản đồ số 38	300.000	1.000.000
		Từ ông Trương thửa số 10 tờ bản đồ số 38	Đến ông Đa thửa số 23 tờ bản đồ số 38	300.000	1.000.000
		Đường vào thửa 12,124,123,29 tờ bản đồ số 38		300.000	1.000.000
		Từ ông Văn thửa số 35 tờ bản đồ số 38	Đến ông Phái thửa số 2 tờ bản đồ số 38	350.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ ông Phòng thửa số 4 tờ bản đồ số 38	Đến bà Bốn thửa số 116 tờ bản đồ số 38	300.000	1.000.000
		Từ ông Hạnh thửa số 43 tờ bản đồ số 38	Đến ông Bảo thửa số 69 tờ bản đồ số 38	300.000	1.000.000
		Từ bà Liên thửa số 101 tờ bản đồ số 38	Đến ông Triều thửa số 100 tờ bản đồ số 38	300.000	1.000.000
		Từ ông Nhượng thửa số 75 tờ bản đồ số 38	Đến bà Thược thửa số 90 tờ bản đồ số 38	350.000	2.500.000
		Từ nhà thờ Nguyễn danh thửa số 114 tờ bản đồ số 38	Đến bà Tiếp thửa số 94 tờ bản đồ số 38	300.000	1.000.000
		Từ ông Hưng thửa số 27 tờ bản đồ số 40	Đến ông Viễn thửa số 55 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
		Từ ông Viễn thửa số 55 tờ bản đồ số 40	Đến ông Tương thửa số 74 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
		Từ ông Tương thửa số 74 tờ bản đồ số 40	Đến ông Tường thửa số 60 tờ bản đồ số 40	350.000	2.500.000
		Từ bà Hằng thửa số 96 tờ bản đồ số 40	Đến ông Ngũ thửa số 60 tờ bản đồ số 40	350.000	2.500.000
		Từ bà Hằng thửa số 96 tờ bản đồ số 40	Đến ông Lam thửa số 133 tờ bản đồ số 40	300.000	1.000.000
		Từ ông Minh thửa số 108 tờ bản đồ số 40	Đến ông Sơn thửa số 176 tờ bản đồ số 40	350.000	2.500.000
		Đường trước các thửa 166,168,167,155,165,163,164, 158,160,161,162		350.000	2.500.000
		Từ ông Tư thửa số 173 tờ bản đồ số 40	Đến ông Tiến thửa số 185 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
		Từ ông Luận thửa số 40 tờ bản đồ số 39	Đến ông Hoàng thửa số 248 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
		Từ ông Hiệp thửa số 127 tờ bản đồ số 39	Đến ông Hiền thửa số 226 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Từ ông Thống thửa số 204 tờ bản đồ số 39	Đến ông Vinh thửa số 209 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
		Từ ông Cần thửa số 56 tờ bản đồ số 39	Đến bà Thân thửa số 97 tờ bản đồ số 39	300.000	1.000.000
	Thôn Phú Lâm				
		Đường từ nhà bà Xuyên (từ thửa 06, tờ bản đồ 33)	Đến nhà ông Việt (đến thửa 283, tờ bản đồ 26)	300.000	1.000.000
		Đường từ NVH xóm 7 cũ (từ thửa 19, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Thắc Mơ (đến thửa 192, tờ bản đồ 33)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà ông Sơn (từ thửa 26, tờ bản đồ 33)	Đến nhà ông Oanh (đến thửa 49, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Quán (từ thửa 13, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Tường (đến thửa 15, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà bà Lựu (từ thửa 04, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Toả (đến thửa 184, tờ bản đồ 33)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà anh Phúc (từ thửa 58, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Tới (đến thửa 61, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà ông Cừ (từ thửa 87, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Hùng (đến thửa 213, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà ông Phổ (từ thửa 71, tờ bản đồ 33)	Đến thửa 72, tờ bản đồ 33	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà bà Nhung (từ thửa 144, tờ bản đồ 33)	Đến nhà ông Thu (đến thửa 197, tờ bản đồ 34)	300.000	1.000.000
		Ngõ từ nhà chị Hiền (từ thửa 121, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Trường (đến thửa 134, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Ngõ từ nhà ông Trinh (từ thửa 252, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Thục (đến thửa 176, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Ngõ từ nhà anh Sang (từ thửa 198, tờ bản đồ 33)	Đến nhà anh Tuấn (đến thửa 166, tờ bản đồ 33)	300.000	1.000.000
		Ngõ từ nhà anh Tuấn (từ thửa 02, tờ bản đồ 34)	Đến nhà anh Tuấn (đến thửa 224, tờ bản đồ 34)	300.000	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
		Ngõ vào nhà ông Vĩnh (từ thửa 182, tờ bản đồ 34)	Đến thửa 186, tờ bản đồ 34	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà ông Sơn Duyên (từ thửa 182, tờ bản đồ 34)	Đến thửa 200, tờ bản đồ 34	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà thờ họ Nguyễn Trương (từ thửa 206, tờ bản đồ 34)	Đến thửa 207, tờ bản đồ 34)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà ông Huyền (từ thửa 18, tờ bản đồ 35)	Đến nhà bà Mão (đến thửa 27, tờ bản đồ 35)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà ông Ninh (từ thửa 08, tờ bản đồ 35)	Đến nhà ông Tuấn (đến thửa 45, tờ bản đồ 35)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà ông Quý (từ thửa 06, tờ bản đồ 35)	Đến nhà ông Hạng (đến thửa 14, tờ bản đồ 35)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà anh Sơn Nga (từ thửa 03, tờ bản đồ 35)	Đến nhà ông Bình (đến thửa 16, tờ bản đồ 35)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà ông Bằng (từ thửa 01, tờ bản đồ 36)	Đến nhà ông Tuyết (đến thửa 05, tờ bản đồ 36)	350.000	2.500.000
		Đường từ nhà anh Thao Lan (từ thửa 30, tờ bản đồ 36)	Đến nhà anh Phong (đến thửa 97, tờ bản đồ 36)	350.000	2.500.000
		Đường vào nhà thờ Họ Cao (từ thửa 11, tờ bản đồ 36)	Đến nhà bà Chinh (đến thửa 14, tờ bản đồ 36)	300.000	1.000.000
		Đường vào nhà anh Hoàng (từ thửa 35, tờ bản đồ 36)	Đến nhà anh Vinh (đến thửa 41, tờ bản đồ 36)	300.000	1.000.000
		Ngõ vào nhà ông Sô (từ thửa 65, tờ bản đồ 36)	Đến thửa 70, tờ bản đồ 36)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà anh Đông (từ thửa 63, tờ bản đồ 36)	Đến nhà anh Hải (đến thửa 96, tờ bản đồ 36)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà bà Quế (từ thửa 60, tờ bản đồ 36)	Đến nhà bà Cư (đến thửa 72, tờ bản đồ 36)	300.000	1.000.000
		Đường từ nhà chị Hường Kiên (từ thửa 81, tờ bản đồ 36)	Đến nhà ông Thân (đến thửa 85, tờ bản đồ 36)	350.000	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)
		Từ	Đến		
	Đường nội khu Cụm công nghiệp Diên Thắng	Thửa 945, 946, 947, 948, tờ bản đồ số 5	Thửa 945, 946, 947, 948, tờ bản đồ số 5		6.000.000
2.	Khu quy hoạch chia lô đất ở đấu giá vùng Rục Trắng, xóm 1, xã Diên Bình cũ được UBND huyện Diên Châu phê duyệt tại QĐ số 2203/QĐ-UBND ngày 21/9/2016)				
	Quốc lộ 7	Lô số: S01 (838)	Lô số: S40 (600)	3,500,000	13.500.000
3	Khu quy hoạch chia lô đất ở đấu giá vùng Lạch Rùa, xóm 2, xã Diên Bình cũ				
	Đường QH 19,5m	Lô số: 90, tờ bản đồ 55	Lô số: 139, tờ bản đồ 55	700.000	4.500.000
	Đường QH3,5m	Lô số: 104, tờ bản đồ 55	Lô số: 506, tờ bản đồ 55	350.000	2.500.000
4	Khu quy hoạch chia lô đất ở đấu giá vùng Đường Cựa, xóm 1, xã Diên Minh cũ				
	Đường QH 19,5m	Lô số: 779, tờ bản đồ 31	Lô số: 794, tờ bản đồ 31	1.000.000	5.000.000
	Đường QH 19,5m	Lô số: 795, tờ bản đồ 31	Lô số: 800, tờ bản đồ 31	1.000.000	5.000.000
	Đường QH6,5m	Lô số: 185, tờ bản đồ 31	Lô số: 209, tờ bản đồ 31	<i>Chưa có giá đất</i>	3.000.000
C	Các khu đất, thửa đất còn lại trên địa bàn xã đã được nhà nước cho thuê đất và đất ở của hộ gia đình, cá nhân có vị trí tương đương hoặc kém thuận lợi hơn so với vị trí có mức giá thấp nhất nêu trên				1.000.000